

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Văn Tài;

2. Ông Hồ Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Neáng Sốc B, sinh năm 1991, cư trú: Tổ 34, ấp TA, xã LT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Chau Phi N, sinh năm 1987, cư trú: Tổ 34, ấp TA, xã LT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Chau Sông, Phó ban ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 10 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Neáng Sốc B trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Chau Phi N tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT năm 2010. Trong quá trình chung sống nhiều lần ông Chau Phi N không lo làm ăn, kiếm chuyện đánh đập vợ con. Xét thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên bà Neáng Sóc B yêu cầu được ly hôn với ông Chau Phi N.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Neáng Chanh N, sinh ngày 10-7-2006 và Neáng Srây N, sinh ngày 27-8-2013. Hiện do bà Neáng Sóc B nuôi dưỡng, bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Chau Phi N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Trong quá trình giải quyết ông Chau Phi N có trình bày như sau:* ông và bà Neáng Sóc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã LT, trong quá trình vợ chồng đi làm và chung sống ở Đồng Nai có phát sinh mâu thuẫn do ông đi nhậu với bạn bè, bà Neáng Sóc B không đồng ý. Nay bà Neáng Sóc B yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn. Tuy nhiên ông Chau Phi N yêu cầu bà Neáng Sóc B trả lại số tiền tổ chức đám cưới là 100.000.000 đồng.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Neáng Chanh N, sinh ngày 10-7-2006 và Neáng Srây N, sinh ngày 27-8-2013. Hiện giờ do bà Neáng Sóc B nuôi dưỡng, ông đồng ý để bà Sóc B tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*Tại bản tự khai ngày 17-11-2020, cháu Neáng Srây N khai:* Cha mẹ tôi là Neáng Sóc B và Chau Phi N, nếu cha mẹ ly hôn thì tôi có nguyện vọng được sống với mẹ là Neáng Sóc B.

*Tại bản tự khai ngày 17-11-2020, cháu Neáng Chanh N khai:* Cha mẹ tôi là Neáng Sóc B và Chau Phi N, nếu cha mẹ ly hôn thì tôi có nguyện vọng được sống với mẹ là Neáng Sóc B.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục: Chưa tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn và không cấp giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện cho nguyên đơn.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Neáng Sóc B và ông Chau Phi N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy về tình cảm giữa bà Sóc B và ông Phi N xảy ra nhiều mâu thuẫn, bị đơn ông Chau Sóc Nương đồng ý ly hôn với bà Neáng Sóc B, nhận thấy có căn cứ cho bà Neáng Sóc B được ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Neáng Chanh N, sinh ngày 10-7-2006 và Neáng Srây N, sinh ngày 27-8-2013. Hiện do bà Neáng Sóc B nuôi dưỡng, bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Chau Phi N cấp dưỡng. Nhận thấy, ông Chau Phi N cũng đồng ý để bà Sóc B tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, hơn nữa nguyện vọng của hai cháu muốn được sống với mẹ, đề nghị giao hai con cho bà Sóc B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông Phi N không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Sóc B không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Chau Phi N có yêu cầu bà Neáng Sóc B phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng là số tiền tổ chức đám cưới. Ngày 30-12-2020 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn có thông báo số 778/TB-TA yêu cầu ông Chau Phi N nộp đơn yêu cầu đòi tài sản và cung cấp chứng cứ, thông báo đã tổng đạt hợp lệ nhưng ông Chau Phi N không nộp đơn yêu cầu để Tòa án xem xét thụ lý theo quy định của pháp luật, vì vậy không có cơ sở để xem xét. Ông Chau Phi N có quyền tự thỏa thuận giải quyết với bà Neáng Sóc B, nếu không thỏa thuận được thì ông có quyền khởi kiện bà Sóc B theo trình tự tố tụng dân sự ở một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Neáng Sóc B vẫn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn ông Chau Phi N không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau Phi N có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp TA, xã LT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Neáng Sóc B và ông Chau Phi N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Tri Tôn vào ngày 09-8-2010 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của các bên đều xác định có xảy ra mâu thuẫn, bà Sóc B và ông Phi N thống nhất ly hôn. Xét thấy, qua ý kiến trình bày của nguyên đơn và bị đơn nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Neáng Sóc B xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Bà Neáng Sóc B và ông Chau Phi N có hai con chung tên Neáng Chanh N, sinh ngày 10-7-2006 và Neáng Srây N, sinh ngày 27-8-2013. Bà Sóc B và ông Phi N thống nhất, bà Sóc B sẽ tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Chanh Nây và Srây Níc và phù hợp theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Neáng Sóc B không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Neáng Sóc B và ông Chau Phi N khai tự thỏa thuận nên không xem xét.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: bà Neáng Sóc B khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch.

Đối với việc của ông Chau Phi N yêu cầu bà Neáng Sóc B trả lại 100.000.000 đồng là số tiền tổ chức đám cưới. Ngày 30-12-2020 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn có thông báo số 778/TB-TA yêu cầu ông Chau Phi N nộp đơn yêu cầu đòi tài sản và cung cấp chứng cứ, thông báo đã tổng đạt hợp lệ nhưng ông Chau Phi N không nộp đơn yêu cầu để Tòa án xem xét thụ lý theo quy định của pháp luật, vì vậy không có cơ sở để xem xét. Ông Chau Phi N có quyền tự thỏa thuận giải quyết với bà Neáng Sóc B, nếu không thỏa thuận được thì ông có quyền khởi kiện bà Sóc B theo trình tự tố tụng dân sự ở một vụ kiện khác.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Neáng Sóc B đối với ông Chau Phi N. Bà Neáng Sóc B được ly hôn với ông Chau Phi N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49/TPHT, quyền số 01/2010 ngày 09-8-2010 của Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Neáng Chanh N, sinh ngày 10-7-2006 và Neáng Srây N, sinh ngày 27-8-2013 cho bà Neáng Sóc B tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Chau Phi N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: Bà Neáng Sóc B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2019/0000529 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà Neáng Sóc B đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã Lê Trì;
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Văn Hùng**

